

TƯỢNG PHẬT GỖ THUỘC VĂN HÓA ÓC EO Ở NAM BỘ

ĐẶNG VĂN THẮNG, ĐẶNG HOÀNG LAN
VÀ VÕ THỊ ÁNH TUYẾT*

Tóm tắt:

Vùng đất Nam Bộ là vùng đất khá đặc biệt. Ở vùng đất này rất hiếm nguyên liệu đá để chế tác tượng, ngược lại có rất nhiều rừng cây và có một số loại cây để chế tác tượng gỗ. Trong số đó có ba loại gỗ được chọn để chế tác tượng Phật trong văn hóa Óc Eo: Gỗ Sao, gỗ Mù u, gỗ Bằng lăng. Nhờ có ba loại gỗ này mà cư dân văn hóa Óc Eo đã chế tác ra nhiều tượng Phật gỗ với bốn phong cách, thể đứng khác nhau: Tượng Phật theo phong cách Amaravati trong tư thế đứng lệch hông mạnh (tribhanga) thế kỷ II-III; Tượng theo phong cách Amaravati trong tư thế đứng lệch hông nhẹ (Abhanga) thế kỷ III-IV; Tượng Phật theo phong cách Amaravati trong tư thế đứng thẳng (Samabhanga) thế kỷ IV-VII và Tượng Phật theo phong cách Gandhara trong tư thế đứng thẳng (Samabhanga) thế kỷ IV-VII. Những tượng Phật gỗ tìm được trong văn hóa Óc Eo là tượng Phật Thích Ca, từ tượng Phật gỗ được chế tác tinh xảo, tả thực đến tượng chỉ tạo mảng khối, có niên đại từ thế kỷ II đến thế kỷ VII và có khả năng được đặt trên giá gỗ và để ngoài trời.

Từ khóa: Văn hóa Óc Eo, tượng Phật gỗ, phong cách và thể đứng.

Abstract:

Southern Vietnam is a distinctive region in terms of its natural resources. While suitable stone for sculpture is scarce, the area is rich in forests and contains several types of timber suitable for carving wooden statues. Among these, three species were commonly selected for the production of Buddhist statues in the Óc Eo culture: *Hopea odorata* (Sao wood), *Calophyllum inophyllum* (Mù u wood), and *Lagerstroemia* spp. (Bằng lăng wood). Utilizing these durable timbers, Óc Eo artisans produced numerous wooden Buddha statues representing four different stylistic traditions and standing postures: Buddha statues in the Amaravati style with a pronounced hip-swaying posture (Tribhanga), dating to the second-third centuries CE; Amaravati-style statues with a slight hip-swaying posture (Abhanga), dating to the third-fourth centuries CE; Amaravati-style statues in an erect standing posture (Samabhanga), dating to the fourth-seventh centuries CE; and Gandhara-style statues in an erect standing posture (Samabhanga), also dating to the fourth-seventh centuries CE. The wooden Buddha statues discovered within the Óc Eo cultural sphere represent images of the Buddha Śākyamuni. They range from finely crafted and highly naturalistic sculptures to more

* Trường ĐH KHXH&VN - ĐHQG TP. Hồ Chí Minh

Ngày nhận bài: 23/02/2026; Ngày gửi phản biện: 01/5/2026; Ngày duyệt đăng: 25/5/2026.

schematic examples characterized by simplified volumetric forms. Dating from the second to the seventh centuries CE, these statues were likely mounted on wooden pedestals and displayed in open-air settings.

Keywords: Óc Eo culture, wooden Buddha statues, artistic styles, standing postures.

1. Lịch sử nghiên cứu

Năm 1963, Louis Malleret là người đầu tiên công bố tượng Phật bằng gỗ tìm thấy trong văn hóa Óc Eo ở Nam Bộ, trong tập IV: Le Cisbassac (Tả ngạn sông Hậu đến lưu vực sông Đồng Nai) của bộ sách 4 tập: *L' Archéologie Du Delta Du Mékong* (Khảo cổ học đồng bằng sông Mê Kông). Trong tập 4 này, Louis Malleret đã giới thiệu 5 tượng Phật bằng gỗ: Tượng Phật Phong Mỹ phát hiện năm 1937 (số 231, phụ bản XXVI); Tượng Phật Tháp Mười (số 236, phụ bản XXI), tượng cao 2,91m; Hai pho tượng Phật Bình Hòa, được tìm thấy ở phía Đông vùng Đồng Tháp Mười, trong quá trình đào một con kênh ở làng Bình Hòa, nằm giữa sông Vàm Cỏ Đông và kênh Bo Ho (số 227); Tượng Phật Đá Nổi, lần đầu tiên thám sát di chỉ Đá Nổi vùng hữu ngạn sông Hậu đến Cà Mau (Transbassac). Tượng Phật Đá Nổi bị hư hại nặng, thiếu đầu và chân, nhưng vẫn nhận ra tư thế đứng lệch hông với đầu gối trái gấp, y phục bó sát thân tượng để hở vai phải (Louis Malleret 1963: 155-158).

Năm 1995, Lê Xuân Diệm, Đào Linh Côn, Võ Sĩ Khải công bố công trình *Văn hóa Óc Eo - Những khám phá mới*. Trong công trình này, các tác giả có công bố tượng Phật bằng gỗ. Ngoài việc nhắc lại những tượng Phật mà Louis Malleret đã công bố, các tác giả cho biết sau năm 1975 đã phát hiện được 15 tượng và 1 bàn tay Phật: 11 tượng tìm được ở khu di tích Gò Tháp (tỉnh Đồng Tháp), 02 tượng tìm được ở khu di tích Óc Eo (tỉnh An Giang), 01 tượng tìm được ở di tích Vĩnh Hưng (tỉnh Cà Mau), 01 tượng và 01 bàn tay tìm được ở di tích Nhơn Thành (thành phố Cần Thơ). Trong đó: 12 tượng tạc theo phong cách nghệ thuật Dvaravati (Gò Tháp 10, Giồng Xoài 1, Vĩnh Hưng 1). Đây là những tượng tạc theo quy cách đứng trên tòa sen, thân hình mảnh mai, thon cao, hông hơi vẹo về phía bên phải, thân mặc áo cà sa dài đến chân; 03 tượng tạc theo phong cách Amaravati (Gò Tháp 1, Giồng Xoài 1, Nhơn Thành 1). Đây là loại tượng được tạc theo quy cách đứng thẳng trên tòa sen hoặc trên bệ, đầu đội mũ hình chóp, mặt không rõ nét, tai dài. Thân khoác áo cà sa phủ kín bên vai trái, để hở vai phải và một phần ngực, có thể nhận ra 4 tượng Phật theo phong cách Amaravati (Giồng Xoài 2, Gò Tháp 2), 04 tượng Phật còn lại khó có thể nhận ra thuộc phong cách gì (Lê Xuân Diệm và nnk 1995: 271-276).

Năm 2006, Lê Thị Liên công bố công trình *Nghệ thuật Phật giáo và Hindu giáo ở đồng bằng sông Cửu Long trước thế kỷ X*. Trong công trình này, Lê Thị Liên cho biết đã có khoảng 28 tượng Phật và 2 tay tượng Phật bằng gỗ được phát hiện trong văn hóa Óc Eo ở đồng bằng sông Mê Kông. Trong đó Gò Tháp (tỉnh Đồng Tháp) là nơi xuất hiện nhiều tượng gỗ nhất, có 22 tượng và mảnh vỡ. Tuy nhiên, do một số thất lạc hoặc hư hỏng nặng nên không thể nghiên cứu chi tiết. Dựa vào tư liệu ảnh và một số hiện vật mới được phát hiện, Lê Thị Liên có nghiên cứu khá tốt về các tượng Phật gỗ

và nêu ba nhóm được xác định căn cứ vào tư thế đứng: *Nhóm 1*, các tượng Phật trong tư thế đứng lệch hông mạnh (Tribhanga) gồm các tượng như tượng Phật Tháp Mười, 2 tượng Phật gỗ Gò Tháp Đồng Tháp... niên đại khoảng thế kỷ II-IV; *Nhóm 2*, các tượng Phật trong tư thế đứng lệch hông nhẹ (Abhanga) gồm các tượng như tượng Phật gỗ Giồng Xoài An Giang, tượng Phật gỗ Gò Tháp Đồng Tháp, tượng Phật gỗ Bình Hòa Tây Ninh... niên đại khoảng thế kỷ V-VI; *Nhóm 3*, các tượng Phật trong tư thế đứng thẳng (Samabhanga) gồm các tượng như tượng Phật gỗ Gò Tháp Đồng Tháp, tượng Phật gỗ Phong Mỹ Đồng Tháp (Lê Thị Liên 2006: 42-48).

Năm 2018, Bùi Chí Hoàng làm chủ biên công bố công trình *Khảo cổ học Nam bộ thời sơ sử*. Trong công trình này, các tác giả có công bố tượng Phật bằng gỗ. Các tác giả cho biết đã phát hiện được 15 tượng Phật chia thành 3 nhóm theo tư thế đứng: *Nhóm 1*, các tượng Phật trong tư thế đứng lệch hông mạnh (Tribhanga) có 3 tượng; *Nhóm 2*, các tượng Phật trong tư thế đứng lệch hông nhẹ (Abhanga) có 7 tượng; *Nhóm 3*, các tượng Phật trong tư thế đứng thẳng (Samabhanga) có 2 tượng và có 3 tượng không xác định được. Ngoài ra còn có 1 tượng Phật trong tư thế ngồi kiểu đại sư hay kiểu Châu Âu (Bùi Chí Hoàng (chủ biên) 2018: 266-271).

Năm 2022, Hà Thị Sương đã bảo vệ thành công luận án Tiến sĩ ở Trường Đại học Khoa học xã hội và Nhân văn - Đại học Quốc gia thành phố Hồ Chí Minh. Trong Luận án *Kiến trúc và hiện vật khảo cổ ở khu di tích Gò Tháp (Đồng Tháp)* có nghiên cứu về tượng Phật bằng gỗ. Gò Tháp là nơi tìm thấy nhiều tượng Phật gỗ nhất. Theo Hà Thị Sương, dựa vào các tư liệu, hình ảnh đã công bố và một số hiện vật mới phát hiện, thì ở Gò Tháp đã có 32 tượng Phật gỗ, gồm các loại hình như: Tượng Phật thuyết pháp, thiền định. Tuy nhiên, do nhiều nguyên nhân, các tượng này bị thất lạc hoặc hư hỏng nặng nên không thể nghiên cứu được đầy đủ. Bảo tàng Đồng Tháp còn lưu giữ 13 pho tượng Phật bằng gỗ và 01 tượng Phật Phong Mỹ đang được lưu giữ tại Bảo tàng Lịch sử Thành phố Hồ Chí Minh đứng thẳng và rất ít biến dạng. Hà Thị Sương và nhóm chúng tôi là những người đầu tiên dựa vào phong cách và tư thế của tượng để chia thành 3 nhóm như sau: *Nhóm 1*, tượng Phật theo phong cách Amaravati trong tư thế đứng lệch hông mạnh (tribhanga); *Nhóm 2*, tượng theo phong cách Amaravati trong tư thế đứng lệch hông nhẹ (Abhanga); *Nhóm 3*, tượng Phật theo phong cách Amaravati trong tư thế đứng thẳng (Samabhanga) (Hà Thị Sương 2022: 113-117).

Để tìm hiểu những tượng Phật gỗ thuộc văn hóa Óc Eo ở Nam Bộ thì việc đầu tiên là cần tìm hiểu các phong cách nghệ thuật ở Ấn Độ thể hiện qua các tượng Phật.

2. Phong cách nghệ thuật ở Ấn Độ

Ở Ấn Độ, tượng Phật được chia thành bốn phong cách nghệ thuật sau: Phong cách nghệ thuật Gandhara (Tây Bắc Ấn), phong cách nghệ thuật Mathura (Bắc Ấn), phong cách nghệ thuật Amaravati (Nam Ấn), phong cách nghệ thuật Gupta là sự tổng hợp của ba phong cách Gandhara, Mathura và Amaravati. Có thể nhận ra ba địa điểm Gandhara, Mathura và Amaravati trên bản đồ Ấn Độ thời đế quốc Kushan (*Hình 1*).



Hình 1. Ba địa điểm Gandhara, Mathura, Amaravati trên bản đồ đế quốc Kusshan (30-375)

(Nguồn: https://vi.wikipedia.org/wiki/%C4%90%E1%BA%BF_qu%E1%BB%91c_Qu%C3%BD_S%C6%B0%C6%A1ng)

2.1. Phong cách nghệ thuật Gandhara

Vào đầu Công nguyên, miền Bắc Ấn Độ đã có sự chuyển biến về lịch sử và mỹ thuật. Đó là sự biến đổi chuyển hình thức tu tập giản dị là Hinayana (tức Nam Tông/Tiểu Thừa) thành một tín ngưỡng rộng rãi và nhân bản hơn là Mahayana (tức Bắc Tông/Đại Thừa) (Roy C Craven 2005: 99). Phong cách nghệ thuật Gandhara rất phát triển dưới triều đại Kushana và phổ biến ở vùng Tây Bắc Ấn Độ vào khoảng thế kỷ I trước Công nguyên đến thế kỷ III. Nhà sử học D.N Jha cho rằng phong cách này đạt đến đỉnh cao vào khoảng giữa thế kỷ I trước Công nguyên đến thế kỷ V. Nghệ thuật Gandhara không những rất phổ biến ở Tây Bắc Ấn Độ mà còn lan tỏa đến vùng đồng bằng sông Ấn (Indus River). Tọa lạc ở gần cửa khẩu phía Tây Bắc Ấn Độ, ở Gandhara người Ấn Độ có nhiều cơ hội tiếp xúc với nước ngoài như: Ba Tư, Hy Lạp, Sakas, Pathian và Kusanas và ngược lại những

người này cũng đến và định cư ở đây nên việc giao thoa văn hóa, tiếp biến văn hóa và ngôn ngữ đã diễn ra. Điều này đã làm cho ở Gandhara trở thành khu vực đa văn hóa và đa ngôn ngữ. Do đó nghệ thuật Gandhara bộc lộ khá rõ nét các yếu tố nước ngoài, đặc biệt yếu tố văn hóa Hy Lạp và La Mã. Đa số học giả cho rằng nghệ thuật Gandhara là nghệ thuật Ấn - Hy, nghệ thuật áo uốt. Nghệ thuật Gandhara được các triều đại Ấn - Hy bảo trợ và khuếch trương. Các vua Kusshan như Sakas và Kanishka (triều đại Kushana) là những ông vua ủng hộ và khuếch trương cho phong cách này (D.N. Jha 1997: 93). Một trong những đặc điểm nổi bật của phong cách nghệ thuật này là kỹ thuật sử dụng trong điêu khắc được vay mượn từ Hy Lạp nhưng chủ đề là Ấn Độ, đặc biệt là đề tài Phật giáo.

Phong cách nghệ thuật Gandhara trải qua hai giai đoạn phát triển. Giai đoạn đầu, Đức Phật được thể hiện bằng nhiều biểu tượng (Symbol) như cây Bồ đề, bánh xe pháp luân, bàn chân Phật hoặc ngai vàng. Giai đoạn sau, Đức Phật được mô phỏng trong dạng hình nhân nhưng mang đậm nét Châu Âu với áo, giày kiểu Hy Lạp... Các tượng thần Ấn Độ như Yaksas, chim Garuda, và rắn Naga trong hình dạng của các thần Hy Lạp như Genii, Atlantis, Zeus, và Herakles. Đức Phật trong hình dạng của thần Apollo. Hoàng hậu Maya mang đặc điểm phụ nữ Hy Lạp. Tôn giáo là chủ đề chủ đạo sử dụng xuyên suốt: Đức Phật, Bồ Tát, câu chuyện về cuộc đời Đức Phật và chuyện tiền thân của Phật (Jataka) được mô tả đặc sắc bởi Phong cách này. Và chắc chắn nghệ thuật Gandhara chịu ảnh hưởng ít nhiều tư tưởng của Phật giáo Bắc tông (Mahayanism) trong thời kỳ này (Hình 2).

2.2. Phong cách nghệ thuật Mathura

Phong cách nghệ thuật điêu khắc Mathura phát triển đồng thời với Phong cách nghệ thuật Gandhara, ở trung tâm Mathura, bang Uttara Pradesh, miền Bắc Ấn Độ. Nghệ thuật Mathura kéo dài từ thế kỷ II trước Công nguyên đến thế kỷ XII. Nghệ thuật Mathura có nhiều đóng góp trong lĩnh vực hoạt động nghệ thuật điêu khắc, nhất là vào triều đại Kushana và Gupta (khoảng thế kỷ I đến thế kỷ VI). Nhà sử học Ram Sharan Sharma trong tác phẩm "*Perspectives in Social and Economic History of Early India*" cho rằng Mathura là trung tâm thương mại và thủ công mỹ nghệ quan trọng của Ấn Độ, giai đoạn Saka-Kushana, thế kỷ II (Ram Sharan Sharma 1995: 223). Mathura có vị trí địa lý quan trọng nằm trên đường giao thông giữa Trung Á và Tây Bắc và đường biển phía Tây nối với bang Ujjain. Theo D.N Jha, nghệ thuật Mathura phát triển vào khoảng cuối thế kỷ I trước Công nguyên và được triều đại Kushana ủng hộ và khuếch trương (D.N Jha 1997: 93).

Nghệ thuật Mathura có nguồn gốc bản địa, phát triển độc lập với nghệ thuật Gandhara, và chịu ảnh hưởng phần lớn nghệ thuật trong thời đại Maurya. Đề tài chủ đạo về Tôn giáo: Phật giáo, Hindu giáo và Kỳ Na giáo (Jaina giáo).

Nghệ thuật Mathura trải qua hai giai đoạn phát triển. Giai đoạn đầu, Đức Phật được mô phỏng bằng hình đứng, cao lớn. Các tượng Phật dạng ngồi ở thời kỳ này cũng được tìm thấy. Đặc điểm nổi bật của nghệ thuật Mathura là mô tả Đức Phật với bờ vai rộng, ngực nở, đầu đội mũ và nhục kế (unisa) nhô cao trên đỉnh, gương mặt tròn, mắt mở to, môi dày, miệng mỉm cười, tay phải giơ lên với ấn cát tường, tay trái thả lỏng, trang phục gấp nếp bên vai trái, vai phải để hở; đặc biệt Đức Phật ngồi trên bệ sư tử, không phải trên tòa sen như ở Phong cách Gandhara. Giai đoạn sau, từ thế kỷ II trở đi, hình tượng Đức Phật có búi tóc cao trên đỉnh đầu và kiểu tóc này dần dần trở thành kiểu dáng chuẩn trong nghệ thuật Phật giáo (Hình 3).



Hình 2. Tượng Phật Gandhara, thế kỷ I

(Nguồn: https://vi.wikipedia.org/wiki/Ngh%E1%BB%87_thu%E1%BA%ADt_Ph%E1%BA%ADt_gi%C3%A1o)



Hình 3. Tượng Phật Mathura, thế kỷ II

(Nguồn: <http://www.historydiscussion.net/history-of-india/the-mathura-school-of-art-during-kushnas-dynasty/2481>)

2.3. Phong cách nghệ thuật Amaravati

Trong khi đó ở cao nguyên Deccan, vương quốc Satavahanas được thành lập và vươn tầm ảnh hưởng của nó đến Tamil Nadu. Triều đại này rất ủng hộ phong cách nghệ thuật Amaravati. Nghệ thuật Amaravati khá phát triển vào triều đại Satavahanas (khoảng thế kỷ I - III). Amaravati là tên một ngôi tháp cổ Phật giáo, tọa lạc bên dòng sông Krishna, bang Andhra, Nam Ấn Độ và được lấy tên đặt cho một phong cách: phong cách nghệ thuật Amaravati. Ở đây đã hình thành phong cách nghệ thuật của người Dravidian và là phong cách nghệ thuật bản địa của Ấn Độ. Cũng giống như nghệ thuật Mathura, Amaravati trải qua hai giai đoạn phát triển. Giai đoạn đầu, Đức Phật được mô tả bằng biểu tượng hình chữ Vạn 'Swastika', ngai vàng, bàn chân và bánh xe pháp luân. Giai đoạn sau, Đức Phật được mô phỏng ở dạng người đứng trên bệ hoa sen. Tượng trên đầu có nổi cao dạng nhục kế (unisa), tai dài, mắt mở to, sống mũi thẳng, cằm tròn. Trên tượng có áo phủ vai trái, vai phải để hở, tay trái co ngược về phía vai, tay phải buông xuống. Các tác phẩm điêu khắc thuộc trường phái nghệ thuật Amaravati rất được ưa chuộng không những ở Nam Ấn mà còn rất phổ biến, chiếm số lượng lớn ở một số nước Đông Nam Á như Sri Lanka, Thái Lan, Campuchia và Việt Nam.

Nhìn chung, đề tài Phật giáo là chủ đề xuyên suốt trong nghệ thuật Amaravati. Nghệ thuật Amaravati có từ thế kỷ II trước Công nguyên và phát triển đến thế kỷ III Công nguyên. Tượng Phật gỗ thuộc nghệ thuật Amaravati trong văn hóa Óc Eo chiếm số lượng áp đảo so với tượng Phật thuộc nghệ thuật Gandhara và Mathura (*Hình 4*).

2.4. Phong cách nghệ thuật Gupta

Giai đoạn thế kỷ IV - VII, lịch sử Ấn Độ cổ đại mở ra một kỷ nguyên mới, thời kỳ đánh dấu nhiều thành tựu trong tất cả các lĩnh vực: Chính trị, xã hội, kinh tế, văn học, và nghệ thuật. Giai đoạn này được các nhà sử học cho là thời kỳ “phục hưng” của Bà La Môn giáo. Triều đại Gupta được thành lập vào thế kỷ IV, dưới sự cai trị của vua Chandragupta đệ nhất và đặt kinh đô ở Murshidabad, Bengal, miền Đông Ấn Độ. D.N. Jha cho rằng vương quốc Gupta nổi lên vào năm 319 và chinh phục vùng Magadha và Uttar Pradesh. Các vua Gupta không ngừng mở mang bờ cõi, thống nhất Ấn Độ sau nhiều thế kỷ phân tán, loạn lạc (D.N. Jha 1997: 98).

Thời kỳ Gupta được cho là thời kỳ vàng son (Golden Age) trong lịch sử Ấn Độ cổ đại, xã hội, kinh tế, văn học, triết học và các tôn giáo đều được phát triển. Nghệ thuật Gupta đã thừa hưởng những tinh túy của những nghệ thuật trước đó: Gandhara, Mathura và Amaravati, đặc biệt quan trọng là tính giản dị hoành tráng và sự tả thực tinh tế của tượng (Roy C Craven 2005: 138) (*Hình 5*).



Hình 4. Tượng Phật Amaravati, thế kỷ II - III
(Nguồn: http://www.phathoc.net/en/education/buddhist-education/334658_shifting_stones_shaping_the_past_sculpture_from_the_buddhist_stupas_of_andhra_prades_book_review.aspx)



Hình 5. Tượng Phật Gupta thế kỷ V
(Nguồn: <https://www.senthientourist.com/2024/05/tuong-phat-ep-nhat-gioi.html>)

3. Phong cách và tư thế đứng của tượng Phật gỗ Óc Eo

Cho đến năm 2025, đã tìm được khoảng 40 tượng Phật Thích ca bằng gỗ thuộc văn hóa Óc Eo ở Nam Bộ. Trong đó, Gò Tháp (tỉnh Đồng Tháp) là nơi tìm thấy nhiều tượng Phật gỗ nhất. Tuy nhiên, do nhiều nguyên nhân, các tượng này bị thất lạc hoặc hư hỏng nặng nên không thể nghiên cứu được đầy đủ. Hiện nay, chúng ta còn có thể tiếp cận được 12 pho tượng Phật gỗ. Các pho tượng này có kích thước khác nhau, được chế tác chủ yếu từ gỗ Mù u, gỗ Bằng lăng và gỗ Sao. Dựa vào phong cách nghệ thuật của các tượng Phật kết hợp với tư thế đứng của Đức Phật qua quá trình phát triển, có thể chia các tượng Phật bằng gỗ thuộc văn hóa Óc Eo ở Nam Bộ Việt Nam thành 4 nhóm như sau:

3.1. Tượng Phật theo phong cách Amaravati trong tư thế đứng lệch hông mạnh (tribhanga), thế kỷ II-III

Tượng Phật Tháp Mười (tỉnh Đồng Tháp) đã được Louis Malleret giới thiệu trong công trình Khảo cổ học đồng bằng sông Mê Kông (*L'Archéologie du delta du Mekong*), tập IV. Tượng Phật Tháp Mười (số 236, phụ bản XXI), tượng cao 2,91m. Tượng Phật Tháp Mười tìm được năm 1943, gần tượng này đã tìm thấy hai bộ phận khung sườn hình lục giác, trong đó có một bộ phận là cọc công trình. Tượng Phật tìm được, nằm ở vùng đất trũng, bùn đầy cát, ở độ sâu 0,70m, cách xa 400m về phía đông của Gò Tháp Mười. Tượng Phật khổng lồ này bị hư hại nặng nề. Tượng được tạc từ gỗ Sao, có đường kính đáy 70cm. Tượng có khuôn mặt trái xoan, cổ cao, mũi dài và đôi mắt mở to. Nhục kế (unisa) nổi cao và tóc tạo hình thành những lọn gờ lên. Bộ tượng gồm có hai hàng cánh hoa sen đối nhau. Tượng đứng trong tư thế lệch hông, chân trái hơi gập lại và hơi giơ ra trước, trọng lượng dồn về chân phải. Dấu tích của y phục chỉ xuất hiện ở bên trái, chủ yếu ở ngang khuỷu tay và cánh tay gập lại, vai phải để hở, y phục bám vào thân và chân. Đức Phật khoác áo kín trên vai trái và buông dài xuống đến cổ tay, tạo thành nếp gấp đôi mỏng dài đến ngang ống chân theo phong cách Amaravati. Ở ngang hông và trên đường cong bụng có một gờ nổi cho thấy dấu hiệu của một quần dưới nhưng không thấy ở phần đáy, vì gỗ đã bị mòn. Kết quả phân tích ^{14}C là $1620 \pm 150 = 330 \pm 150$, Louis Malleret dựa theo phương pháp khảo cổ đã xác định niên đại của tượng vào thế kỷ thứ V (Louis Malleret 1963: 155-165). Tượng Phật Tháp Mười được lưu giữ tại Bảo tàng Lịch sử thành phố Hồ Chí Minh (số đăng ký: BTLS 1615) (Hình 6).

Tượng Phật Gò Tháp (tỉnh Đồng Tháp). Tượng Phật Gò Tháp được tạc từ gỗ Mù u, bị gãy tay phải đến ngang vai, tượng có vai ngang, tay trái bị gãy đến cổ tay. Tượng khoác áo cà sa để hở vai phải, kín vai trái và buông dài đến cổ tay tạo thành nếp gấp đôi mỏng đến ngang ống chân theo phong cách Amaravati nhưng phần tà áo buông dài đã bị gãy. Tượng thể hiện Đức Phật có cổ cao, không thấy ngấn, có khuôn mặt trái xoan đầy đặn, thùy tai chảy xệ xuống, còn thấy rõ búi tóc nhục kế (Unisa) trên đỉnh đầu. Kích thước tượng còn lại: cao 180cm, rộng 41cm. Tượng Phật Gò Tháp đang lưu giữ tại Bảo tàng Đồng Tháp (số đăng ký: BTĐT-CV-1251). (Hình 7).



Hình 6. Tượng Phật Tháp Mười,
số đăng ký BTLS 1615

(Nguồn: Bảo tàng lịch sử TP. HCM)



Hình 7. Tượng Phật Gò Tháp,
số đăng ký BTĐT-CV-1251

(Nguồn: Bảo tàng Đồng Tháp)



Hình 8. Tượng Phật Gò Tháp,
số đăng ký BTĐT-CV-1374

Tượng Phật Gò Tháp (tỉnh Đồng Tháp), đã bị gãy mất hai chân và tay phải đến ngang vai, tượng có vai ngang, tay trái bị gãy đến cổ tay, tượng khoác áo cà sa để hở vai phải, kín vai trái và buông dài đến cổ tay tạo thành nếp đôi mỏng đến ngang ống chân theo phong cách Amaravati, phần tà áo buông dài đã bị gãy. Tượng có cổ cao, khuôn mặt tròn, còn thấy chòm Unisa trên đỉnh đầu. Kích thước tượng còn lại cao 150cm. Tượng Phật Gò Tháp được lưu giữ tại Bảo tàng Đồng Tháp (số đăng ký: BTĐT-CV-1374). (Hình 8).

3.2. Tượng theo phong cách Amaravati trong tư thế đứng lệch hông nhẹ (Abhanga), thế kỷ III - IV

Tượng Phật Giồng Xoài (tỉnh An Giang) được phát hiện năm 1983. Tượng Phật Giồng Xoài bằng gỗ Mù u, cao 2,70m, được tạc trong tư thế đứng trên bệ hình trụ tròn, không có trang trí. Tay phải gãy đến vai, tay trái gãy mất bàn tay. Phần tóc xoắn búi cao theo chiều tròn ốc lên đỉnh - nhọn,

mặt bị nứt nẻ, thể hiện vuông vức với cằm to tròn hơi bạnh, khỏe, đôi mắt hơi ngang, nhìn xuống, sống mũi thanh, miệng nhỏ, cổ cao vừa phải. Toàn thân có dáng thon thả, hai bàn chân lệch theo hình chữ V (Lê Thị Liên 2006: 44). Áo cà sa phủ từ vai trái xuống chân song do bị vỡ nhiều nên không thể nhận rõ, chỉ còn một phần vạt áo vắt trên tay trái buông xuống, một phần giữa hai chân - áo phủ kín nửa bên phải cơ thể. Tượng khoác áo cà sa để hở vai phải, kín vai trái theo phong cách Amaravati. Tượng Phật Giồng Xoài, có số đăng ký: BTAG 5613/G, hiện đang lưu giữ tại Bảo tàng tỉnh An Giang, có niên đại thế kỷ IV - VI (*Hình 9*).

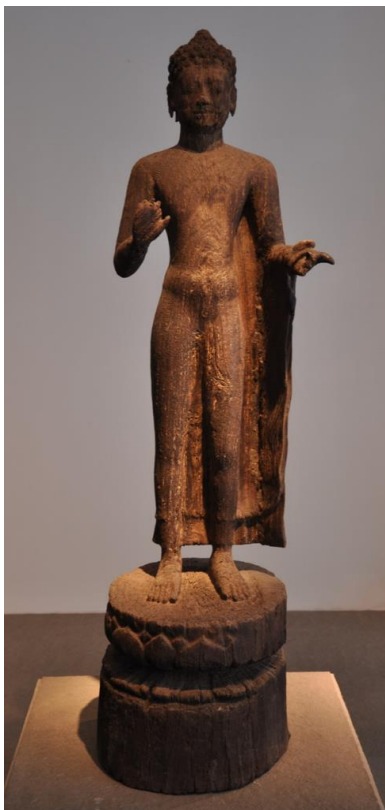
Hai tượng Phật Bình Hòa (tỉnh Tây Ninh): Hai tượng Phật như tượng song sinh cùng tìm thấy ở phía đông vùng Đồng Tháp Mười, trong quá trình đào một con kênh nhỏ, ở làng Bình Hòa, nằm giữa sông Vàm Cỏ Đông và kênh Bo Ho (Louis Malleret 1963, số 227, phụ bản XXII - XXV). Đầu năm 1945, Louis Malleret đã biết đến hai tượng này, nhưng vì chiến tranh, phải đến năm 1947 mới có thể đưa tượng về cho Viện Bảo tàng Sài Gòn (nay là Bảo tàng Lịch sử thành phố Hồ Chí Minh). Hai tượng Phật, mỗi tượng cao 1,35m, được đeo từ cây bằng lăng với đường kính đáy của tượng lên tới 40cm. Sau khi được gạt bỏ lớp sơn và xi măng dày bao quanh, có thể nhận ra:

- Tượng Phật Bình Hòa (ký hiệu MBB 4840; BTLS 1616). Tượng Phật Bình Hòa đứng lệch hông nhẹ trên đôi chân duỗi thẳng. Tượng mặc áo cà sa, để lộ vai phải, vạt vải rủ qua vai trái xuống lưng, tạo thành một vạt vải đôi, còn mép quần kéo dài đến mắt cá. Mặt dài, hai bàn tay giơ ra trước thực hiện cử chỉ vô úy thủ ấn (abhayya mudra) bằng tay phải, còn tay trái, quay ngược, giơ một bảo vật (attribut) là một búp sen chưa nở. Kết quả phân tích ^{14}C $1490 \pm 150 = 460 \pm 150$, Louis Malleret dựa theo phương pháp khảo cổ đã xác định niên đại của tượng vào thế kỷ thứ VI (Louis Malleret 1963: 155-165) (*Hình 10*).

- Tượng Phật Bình Hòa (ký hiệu MBB 4841; BTLS 1618). Tượng Phật Bình Hòa đứng lệch hông nhẹ, chân trái ở tư thế gập rõ nét. Tượng mặc áo cà sa, để lộ vai phải, vạt vải rủ qua vai trái xuống lưng, tạo thành một vạt vải đôi, còn mép quần kéo dài đến mắt cá. Mặt ngắn, hai bàn tay giơ ra trước thực hiện cử chỉ giáo hóa thủ ấn (vitarka mudra), còn tay kia đang giữ mép trang phục giữa ngón cái và ngón trỏ đang gập lại. Kết quả phân tích ^{14}C là $1350 \pm 150 = 600 \pm 150$, Louis Malleret dựa theo phương pháp khảo cổ đã xác định niên đại của tượng vào thế kỷ thứ VI (Louis Malleret 1963: 155-165). Tượng có tay phải thực hiện cử chỉ vô úy thủ ấn (abhayya mudra), tay trái giữ mép trang phục là hiện tượng có trong các tượng ở văn hóa Óc Eo, văn hóa Champa và theo các sư Phật Giáo Nam Tông (Việt Nam, Thái Lan) cũng phải giữ mép trang phục như thế. Vì không giữ mép trang phục, khi thuyết pháp hay di chuyển áo sẽ rơi xuống. Cho nên, tượng có tay phải thực hiện cử chỉ vô úy thủ ấn (abhayya mudra), tay trái giữ mép trang phục là tượng Phật Thích ca đang thuyết pháp (*Hình 10, 11*).



Hình 9. Tượng Phật Giồng Xoài,
số đăng ký BTAG 5613/G
(Nguồn: Bảo tàng An Giang)



Hình 10. Tượng Phật Bình Hòa,
số đăng ký BTLS 1618
(Nguồn: Bảo tàng Lịch sử TP.HCM)



Hình 11. Tượng Phật Bình Hòa,
số đăng ký BTLS 1616

3.3. Tượng Phật theo phong cách Amaravati trong tư thế đứng thẳng (Samabhanga), thế kỷ IV-VII

Tượng Phật gỗ theo phong cách Amaravati trong tư thế đứng thẳng chính là tượng Phật gỗ theo phong cách Gupta. Trong văn hóa Óc Eo, phong cách Gupta đã tiếp thu và cải tiến từ phong cách Amaravati. Tượng Phật gỗ (Hình 13) mà có người cho là tượng phác thảo (Lê Thị Liên 2006: 46-48) nhưng chúng tôi cho rằng tượng Phật này là một tác phẩm hoàn chỉnh, là một kiểu tượng mới của phong cách Gupta trong văn hóa Óc Eo. Kiểu tượng này không thể hiện kiểu hiện thực, chi tiết như những tượng trước đó mà được chế tác theo kiểu mảng khối/điều khắc vạt mảng và sau này, kiểu tạc tượng mảng khối/điều khắc vạt mảng được nhiều nước thể hiện ở các tượng đài. Đây là một sáng tạo độc đáo và có đóng góp lớn vào nghệ thuật tạc tượng của cư dân văn hóa Óc Eo vào thế kỷ IV-VII.

Tượng Phật Gò Tháp (số đăng ký: BTĐT-CV-12500, tượng được tạc từ gỗ Sao, bị gãy tay phải đến ngang vai, tượng có vai ngang, tay trái bị gãy đến cổ tay nhưng vẫn có thể nhận biết tượng Phật Thích Ca, được tạc trong tư thế đang thuyết pháp với tay trái đang bắt ấn Vô úy, tượng khoác áo cà sa để hở vai phải, kín vai trái và buông dài đến cổ tay tạo thành nếp đôi mỏng đến ngang ống chân theo phong cách Amaravati trong tư thế đứng thẳng, nhưng phần tà áo buông dài bị gãy. Tượng thể hiện Đức Phật có cổ cao, không thấy ngấn, có khuôn mặt trái xoan đầy đặn, trên đỉnh đầu

còn thấy rõ chòm nhục kế (Unisa). Kích thước còn lại: cao 160cm, rộng 33cm. Tượng có kết quả phân tích ^{14}C : $1250 \pm 70 = 700 \pm 70 =$ thế kỷ VII - VIII (Nguyễn Quốc Mạnh 2009: 90) (Hình 12).

Tượng Phật Gò Tháp (số đăng ký: BTĐT-CV-1246), được tạc từ gỗ Mù u, đây là một tượng khá nguyên vẹn về hình thể, trong tư thế đứng trên bệ gỗ hình khối trụ tròn. Tượng có khuôn mặt khá vuông nhưng không còn thấy các chi tiết của khuôn mặt mà mặt được tạo theo kiểu mảng khối/điều khắc vạt mảng, thùy tai dài đến ngang vai, cổ ngắn và không có ngấn, vai ngang. Tay và chân cũng được tạo theo kiểu mảng khối/điều khắc vạt mảng. Tay trái buông xuôi được gọi là “Dữ nguyện ấn”, biểu thị ý nghĩa có thể thỏa mãn nguyện vọng của chúng sinh, cánh tay phải co lên, giong về phía trước, bàn tay hướng ra trước, ngón tay hướng lên trên, được gọi là “Vô úy ấn”, biểu thị ý nghĩa có thể giải trừ được những khổ nạn cho chúng sinh. Tượng thể hiện Đức Phật Thích Ca khoác áo cà sa để hở vai phải, kín vai trái và buông dài đến cổ tay tạo thành nếp đôi mỏng đến ngang ống chân theo phong cách Amaravati trong tư thế đứng thẳng. Kích thước còn lại: cao 128cm, rộng 38cm. Tượng có kết quả phân tích ^{14}C : $1800 \pm 100 = 150 \pm 100 =$ thế kỷ II - III (Nguyễn Quốc Mạnh 2009: 90) (Hình 13).



**Hình 12. Tượng Phật
ký hiệu BTĐT-CV-1250**



**Hình 13. Tượng Phật
ký hiệu BTĐT-CV-1246**



**Hình 14. Tượng Phật
ký hiệu BTĐT-CV-1249**

(Nguồn: Bảo tàng Đồng Tháp)

Tượng Phật Gò Tháp (số đăng ký: BTĐT-CV-1249), tượng được tạc từ gỗ Mù u, tương đối nguyên vẹn về hình thể, chỉ bị gãy 1 bàn chân phải. Tượng có khuôn mặt khá vuông nhưng không còn thấy các chi tiết của khuôn mặt, có vai xuôi. Hai tay gập hơi vuông góc, đưa ngang ngực trong tư thế thuyết pháp (bất ấn Vô úy). Tượng thể hiện Đức Phật khoác áo cà sa để hở vai phải, kín vai trái và buông dài đến cổ tay tạo thành nếp đôi mỏng đến ngang ống chân theo phong cách Amaravati trong tư thế đứng thẳng. Kích thước còn lại: cao 120cm, rộng 34cm. Tượng có kết quả phân tích ^{14}C : $1530 \pm 70 \text{ AD} = 420 \pm 70$ = thế kỷ IV - V (Nguyễn Quốc Mạnh, 2009: 90) (Hình 14).

3.4. Tượng Phật theo phong cách Gandhara trong tư thế đứng thẳng (Samabhanga), thế kỷ IV - VII

Tượng Phật gỗ theo phong cách Gandhara trong tư thế đứng thẳng chính là tượng Phật gỗ theo phong cách Gupta. Phong cách Gupta đã tiếp thu và cải tiến từ phong cách Gandhara.

Tượng Phật Phong Mỹ (Đồng Tháp) được phát hiện năm 1937. Tượng Phật Phong Mỹ được chế tác từ một thân cây mù u, cao 2m, mặc áo cà sa bao quanh toàn thân đứng trên một chiếc bệ gồm hai hàng cánh hoa sen có phần chân bên dưới. Tượng Phật đứng trong tư thế chính diện, đầu có phần tóc nổi lên, có nổi nhục kế (usnisa) hình nón, mặt vuông, dài tai rất dài đến vai, mũi bị hư do phần lõi gỗ. Hai bàn tay giơ ra trước. Bàn tay phải thực hiện thủ ấn giáo hóa (*vitarka mudra*) còn bàn tay trái, bị hư hại nặng, để lộ một ngón ở cườm tay, một chi tiết lồi lên có thể là mép y phục, nằm giữa mấy ngón tay. Tượng Phật mặc áo dài ngang mắt cá chân, gọi là *antaravasaka* (Louis Malleret 1963, số 231, phụ bản XXVI). Tượng Phật Phong Mỹ được lưu giữ tại Bảo tàng Lịch sử thành phố Hồ Chí Minh (số đăng ký BTLS 1617). Tượng được tạc từ một thân mù u nguyên khối, trong tư thế đứng thẳng trên một bệ sen hai tầng. Tầng trên gồm một lớp cánh tròn, đầu cánh thuôn nhọn với ba lớp xen kẽ, cùng phần nhụy giữa tạo thành bệ. Tầng dưới gồm một lớp đài sen úp, hai lớp cánh được tạc trên một nền trụ tròn như để đỡ đài sen. Đức Phật được thể hiện với khuôn mặt hơi gãy, miệng tựa như đang mỉm cười với hai vầng môi hiện rõ và cằm hơi đưa ra, cùng khuôn hàm vuông vức, đôi tai cong và dài gần chấm vai. Thân tượng được tạc khá thon mảnh, bờ vai xuôi với hai tay gập vuông góc, đưa ra ngang ngực. Tượng thể hiện Đức Phật khoác áo cà sa kín hai vai, phủ dài đến chân tạo thành hình vòng cung, làm nổi bật hai bàn tay đưa ra phía trước, theo phong cách nghệ thuật Gandhara trong tư thế đứng thẳng của cư dân Tây Bắc Ấn Độ. Lớp trang phục trong được thể hiện bằng một đường gấu nổi lớn ngang với hai ống chân. Đức Phật trong tư thế đang thuyết pháp với bàn tay phải của tượng với ngón trỏ và ngón cái chạm vào nhau, ba ngón còn lại để thẳng một cách thông thả, hiện rõ tư thế bất ấn Vô úy. Kết quả phân tích ^{14}C là $1490 \pm 150 = 460 \pm 150$ (Louis Malleret dựa theo phương pháp khảo cổ đã xác định niên đại của tượng vào thế kỷ thứ VII (Louis Malleret 1963: 155-165) (Hình 15).

Ngoài ra, ở Ấn Độ hay Trung Quốc có tìm được những bàn chân Phật bằng đá, nhưng trong văn hóa Óc Eo lại tìm được hai tay tượng Phật bằng gỗ. Bàn chân Phật là biểu tượng (symbol) của Phật, thấy bàn chân của Phật là thấy Phật. Bàn tay Phật trong văn hóa Óc Eo cũng là biểu tượng

(symbol) của Phật, thấy bàn tay của Phật là thấy Phật. Đây là một sáng tạo độc đáo và riêng có của cư dân Óc Eo. Năm 1997 đã phát hiện bàn tay Phật ở Gò Tháp (Đồng Tháp) (số đăng ký BTĐT-CV-1254), bàn tay được tạc từ gỗ Sao, màu đen, là bàn tay phải đoạn từ cổ tay đến các ngón tay. Ngón út bị gãy mất hoàn toàn, ngón áp út, ngón giữa và ngón trỏ cũng bị gãy, chỉ còn 1 phần, ngón cái còn nguyên vẹn, cong nhẹ vào trong (Hình 16). Bàn tay trái của Phật bằng gỗ Mù u, tìm được ở di tích Nhơn Thành (Thành phố Cần Thơ) năm 1990, số đăng ký BTCT.266. Bàn tay Phật trong tư thế lật ngửa hơi nghiêng vào trong, nắm hờ trong tư thế đang tuyệt pháp (ấn giáo huấn - Vitarka Mudra). Cổ tay còn một đoạn ngắn, bề mặt vát xéo (không phải bị gãy), phẳng ở giữa có lỗ chốt hình vuông để gắn khớp với phần đế. Tay Phật có kích thước dài 30 x ngang 18 x dày 10cm (Bùi Chí Hoàng và nnk 2019: 46-47) (Hình 17).



Hình 15. Tượng Phật Phong Mỹ,
số đăng ký BTLs 1617
(Nguồn: Bảo tàng thành phố HCM)



Hình 16. Bàn tay Phật bằng gỗ sao,
số đăng ký BTĐT-CV-1254
(Nguồn: Bảo tàng Đồng Tháp)



Hình 17. Bàn tay Phật bằng gỗ mù u,
Bảo tàng Cần Thơ, số đăng ký BTCT.266
(Nguồn: Bảo tàng thành phố Cần Thơ)

4. Từ việc nghiên cứu tượng Phật gỗ Óc Eo

4.1. Mối liên hệ Ấn Độ, niên đại và diễn biến tượng

Qua phong cách và tư thế đứng của các tượng Phật gỗ tìm được trong văn hóa Óc Eo, có thể nhận ra nhiều nhất là những tượng Phật thuộc phong cách Amaravati (Nam Ấn), kế đó là tượng Phật thuộc phong cách Gandhara (Tây Bắc Ấn) còn phong cách Mathura (Bắc Ấn) gần như chưa tìm

thấy. Có thể nói, Phật giáo ở Amaravati (Nam Ấn) có quan hệ chặt chẽ và nhiều nhất với cư dân văn hóa Óc Eo. Các tượng Phật gỗ tìm được thường có đặc điểm là tay trái cầm vật áo, tay phải thể hiện tư thế đang thuyết pháp (ấn giáo huấn - Vitarka Mudra). Hai yếu tố đó chứng minh đây là tượng Thích Ca đang thuyết pháp.

Năm 1957, Louis Malleret cho xác định niên đại ^{14}C của 5 tượng Phật và công bố vào năm 1963 như sau:

* Tượng Phật Tháp Mười $1620 \pm 150 = 187$ đến 487 (thế kỷ II đến thế kỷ V), phương pháp khảo cổ thông thường thế kỷ V.

* Tượng Phật Bình Hòa (MMB. 4840) $1490 \pm 150 = 317$ đến 617 (thế kỷ IV đến thế kỷ VII), phương pháp khảo cổ thông thường thế kỷ VI.

* Tượng Phật Bình Hòa (MMB. 4841) $1350 \pm 150 = 457$ đến 757 (thế kỷ V đến thế kỷ VIII), phương pháp khảo cổ thông thường thế kỷ VI.

* Tượng Phật Phong Mỹ $1490 \pm 150 = 317$ đến 617 (thế kỷ IV đến thế kỷ VII), phương pháp khảo cổ thông thường thế kỷ VII.

* Tượng Phật Đá Nổi 1320 ± 150 (590 ± 150) = 447 đến 747 (thế kỷ V đến thế kỷ VIII), phương pháp khảo cổ thông thường thế kỷ V.

(Louis Malleret 1963: 164)

Từ các kết quả phân tích ^{14}C trên thì các tượng Phật gỗ có niên đại trong khoảng thế kỷ II - VIII AD.

Năm 2007, Trung tâm Nghiên cứu Khảo cổ học thuộc Viện Khoa học xã hội vùng Nam Bộ cho phân tích ^{14}C một số mẫu gỗ tạc tượng Phật tại Bảo tàng Đồng Tháp do Trung tâm Hạt nhân Thành phố Hồ Chí Minh thực hiện, kết quả như sau:

* Mẫu gỗ tượng Phật ký hiệu BTĐT.1246/ĐM.365: $1800 \pm 100 \text{ AD} = 150 \pm 150 \text{ AD} =$ thế kỷ II - III AD.

* Mẫu gỗ tượng Phật ký hiệu BTĐT.1249/ĐM.367: $1530 \pm 70 \text{ AD} = 420 \pm 70 \text{ AD} =$ thế kỷ IV - V AD.

* Mẫu gỗ tượng Phật ký hiệu BTĐT.1250/ĐM.367: $1250 \pm 70 \text{ AD} = 700 \pm 70 \text{ AD} =$ thế kỷ VII - VIII AD (Nguyễn Quốc Mạnh 2009: 90).

Từ các kết quả phân tích ^{14}C trên thì các tượng Phật gỗ tìm được ở Gò Tháp (Đồng Tháp) có niên đại trong khoảng thế kỷ II - VIII A.D.



Hình 18. Diễn biến tượng Phật gỗ thuộc văn hóa Óc Eo
(Nguồn: Đặng Văn Thắng)

Bảo tàng Đồng Tháp là nơi lưu giữ nhiều tượng Phật gỗ nhất của văn hóa Óc Eo. Bằng phương pháp loại hình học có thể nhận ra tượng Phật gỗ được chế tác theo truyền thống tạc tượng của Ấn Độ là đứng lệch hông, kết hợp với tượng Phật được chế tác rất đẹp, chi tiết theo kiểu tả thực đến tượng chỉ tạo mảng khối/điều khắc vật mảng (như các tượng đài hiện nay hay thực hiện). Từ đó có thể nhận ra diễn biến tượng Phật gỗ thuộc văn hóa Óc Eo như sau: tượng Phật theo phong cách Amaravati trong tư thế đứng lệch hông mạnh (Tribhanga), là tượng sớm nhất, khoảng thế kỷ II-III → kế đến tượng Phật theo phong cách Amaravati trong tư thế đứng lệch hông nhẹ (Abhanga), có niên đại muộn hơn, khoảng thế kỷ III-IV → rồi đến tượng Phật theo phong cách Amaravati hay phong cách Gandhara trong tư thế đứng thẳng (Samabhanga), là tượng muộn nhất, khoảng thế kỷ IV-VII (Hình 18).

4.2. Tượng Phật gỗ Óc Eo phải chăng được đặt ngoài trời

Đền thần và tượng thần của Bà La Môn giáo tìm được khá nhiều trong văn hóa Óc Eo. Trong khi đó đền, tháp Phật giáo trong giai đoạn từ thế kỷ I đến thế kỷ VII của văn hóa Óc Eo vẫn chưa tìm thấy. Trong khu vực Linh Sơn Bắc (xã Óc Eo, tỉnh An Giang) đã tìm thấy bia đá bằng sa thạch, bị vỡ thành nhiều mảnh, có kích thước cao 64cm x rộng 32cm x dày 8cm. Bia có mặt trước khắc chữ Sanskrit, mặt sau khắc chữ Khmer cổ. Nội dung bia đề cập đến sự kiện vua Jayavarman I (nửa đầu thế kỷ VII) đề ra nguyên tắc quyên góp cho việc xây dựng một tu viện Phật giáo (Bùi Minh Trí và nnk 2022: 71). Đến thế kỷ VIII đã có tháp Phật giáo Gò Xoài (Đức Hòa, Tây Ninh), trong tháp có đặt Pháp thân kệ bằng vàng lá. Minh văn trên vàng lá gồm 5 dòng, được Hà Văn Tấn đọc và dịch như sau:

Dòng đầu tiên là một câu trong Phật giáo quen gọi là *Pháp Thân kệ*: “ye dharmmā hetuppabhavā tesam hetum tathāgato avaca tesaṃ ca yo nicrodho evamvādi mahāsama (no)”

“Các pháp đều do nhân duyên sinh ra, đáng Như Lai đã thuyết về nguyên nhân cũng như sự tiêu diệt chúng, chính Người, đức Đại Sa môn đã nói như vậy”.

Dòng thứ hai là một câu trong kinh *Pháp cú* (*Dhammapada*, XIV, câu 191: “dukkham dukkhasamutpādo dukkhassa ca atikkamo aro atthagiko maggo dukkopasamagāmi”

“Nỗi khổ lại sinh ra nỗi khổ. Nhưng nỗi khổ có thể vượt qua được. Bát chính đạo dẫn đến sự chấm dứt nỗi khổ”

Ba dòng còn lại là những câu thần chú mantra: “ tad yathā // dandake // pandate // kaurande // keyūre // dantile // dantile // svāhā //”

“tad yathā adhame amvare amvare parikunja nāta nāta puskarāḍ-haha jala khama khaya i limi”

“liki limilikirtti caramudre mudramukhe svāhā”

(Hà Văn Tấn 1997: 848 - 851) (Hình 19).



Hình 19. Pháp thân kệ đặt trong tháp Phật giáo Gò Xoài (Tây Ninh) (Nguồn: Bảo tàng Long An)

Lâu nay chưa thể biết những tượng Phật gỗ Óc Eo có được đặt trong công trình kiến trúc Phật giáo không. Năm 1943, Louis Malleret tìm được tượng Phật Gò Tháp Mười, cách 400m về phía Đông Gò Tháp Mười (tỉnh Đồng Tháp), trong vùng đất bùn đầy cát, dưới mặt đất 0,70m. Điều đáng chú ý là gần tượng Tượng Phật Tháp Mười, Louis Malleret đã tìm thấy hai bộ phận khung sườn hình lục giác, trong đó có một bộ phận là cọc công trình (Louis Malleret 1963: 156). Nhiều khả năng những khung sườn này là giá đỡ bằng gỗ của tượng Phật gỗ Óc Eo và được đặt ngoài trời, giống như những tượng quan âm được đặt trước sân của những ngôi chùa theo Bắc tông/ Đại thừa ở Việt Nam.

5. Kết luận

Tượng gỗ là di vật đặc trưng của nghệ thuật Phật giáo trong văn hóa Óc Eo, được chế tác bằng gỗ Sao, gỗ Bàng lãng, gỗ Mù u,... Các tượng có nhiều phong cách và tư thế đứng khác nhau, trong đó phần lớn là tượng Phật được tạc theo phong cách nghệ thuật Amaravati với tư thế đứng lệch hông mạnh (Tribhanga), tư thế đứng lệch hông nhẹ (Abhanga), tư thế đứng thẳng (Samabhanga).

Các tượng Phật gỗ chứng minh cho quá trình giao lưu và tiếp biến của văn hóa Óc Eo và vương quốc Phù Nam với văn hóa bên ngoài từ Ấn Độ. Thông qua số lượng các hiện vật tượng Phật gỗ theo phong cách kết hợp tư thế đứng, đã góp phần nhận diện sự diễn biến và vai trò quan trọng của Phật giáo trong đời sống tinh thần của cư dân văn hóa Óc Eo. Đặc biệt, tượng Phật gỗ thời Gupta (thế kỷ IV-VII) có kiểu tạc mảng khối/điều khắc vạt mảng là một sáng tạo độc đáo và có đóng góp lớn cho nghệ thuật tạc tượng thế giới.

Ở Ấn Độ hay Trung Quốc có tìm được những bàn chân Phật bằng đá, nhưng trong văn hóa Óc Eo lại tìm được hai tay tượng Phật bằng gỗ. Bàn chân Phật là biểu tượng (symbol) của Phật, thấy bàn chân của Phật là thấy Phật. Bàn tay Phật trong văn hóa Óc Eo cũng là biểu tượng (symbol) của Phật, thấy bàn tay của Phật là thấy Phật. Đây là một sáng tạo độc đáo và riêng có của cư dân Óc Eo.

Các tượng Phật gỗ thuộc văn hóa Óc Eo có tay trái cầm vật áo, tay phải bắt ấn giáo huấn - Vitarka Mudra là tượng Thích Ca đang thuyết pháp, đã đóng góp thêm nguồn sử liệu vật thật cho

công tác nghiên cứu về đời sống tinh thần của cư dân thuộc nền văn hóa Óc Eo và vương quốc Phù Nam ở Nam Bộ, phục vụ công tác trưng bày, giáo dục, nghiên cứu toàn diện về lịch sử - xã hội - văn hóa - tộc người không chỉ ở Nam Bộ mà còn cho cả cả nước.

Các tượng Phật gỗ thuộc văn hóa Óc Eo là những tượng Thích Ca, có niên đại từ thế kỷ II đến thế kỷ VII, có thể được đặt trên giá gỗ để ngoài trời, góp phần làm rõ hơn Phật giáo trong văn hóa Óc Eo và hiểu đầy đủ hơn những giá trị tinh thần của nền văn hóa Óc Eo - một nền văn hóa mang bản sắc riêng và độc đáo, tồn tại rất sớm ở Nam Bộ, từ thế kỷ II trước Công nguyên và kéo dài cho đến thế kỷ XII.

Chú thích:

Nghiên cứu được tài trợ bởi Đại học Quốc gia Thành phố Hồ Chí Minh (ĐHQG-HCM) trong khuôn khổ đề tài mã số B2023-18b-02.

TÀI LIỆU DẪN

- Bùi Chí Hoàng (Chủ biên). 2018. *Khảo cổ học Nam bộ thời sơ sử*. Nxb. Khoa học xã hội.
- Bùi Chí Hoàng, Trần Việt Phương, Nguyễn Quốc Mạnh. 2019. *Di tích khảo cổ Nhơn Thành - Cần Thơ*. Cần Thơ.
- Bùi Minh Trí, Nguyễn Gia Đồi, Nguyễn Khánh Trung Kiên. 2022. *Văn hóa Óc Eo những phát hiện mới khảo cổ học tại di tích Óc Eo - Ba Thê và Nền Chùa 2017-202*. Nxb. Khoa học xã hội.
- D.N. Jha. 1997, *Ancient India - An Introductory Outline*. Nxb. Manohar.
- Hà Thị Suong. 2022. *Kiến trúc và hiện vật khảo cổ ở khu di tích Gò Tháp (Đồng Tháp)*. Luận án Tiến sĩ Khảo cổ học. Trường ĐH KHXH & NV - ĐHQG thành phố Hồ Chí Minh.
- Hà Văn Tấn. 1997. “Tờ minh văn trên lá vàng ở Gò Xoài (Long An) bàn thêm về pháp thân kệ”. Trong *Theo dấu các văn hóa cổ*. Nxb. KHXH: 848 - 851.
- https://vi.wikipedia.org/wiki/%C4%90%E1%BA%BF_qu%E1%BB%91c_Qu%C3%BD_S%C6%B0%C6%A1ng.
- Lê Thị Liên. 2006. *Nghệ thuật Phật giáo và Hindu giáo ở đồng bằng sông Cửu Long trước thế kỷ X*. Nxb. Thế giới.
- Lê Xuân Diệm, Đào Linh Côn, Võ Sĩ Khải. 1995. *Văn hóa Óc Eo - Những khám phá mới*. Nxb Khoa học xã hội.
- Louis Malleret. 1963,. *L'Archéologie du Delta du Mékong*. Tome Quatrième: Le Sisbassac, École française d'Extrême-Orient, Paris.
- Nguyễn Quốc Mạnh. 2009. *Đồ gốm Óc Eo trong di chỉ cư trú khu di tích Gò Tháp (Đồng Tháp)*. Luận văn Thạc sĩ sử học. Trường Trường ĐH KHXH & NV - ĐHQG thành phố Hồ Chí Minh.
- Ram Sharan Sharma. 1995. *Perspectives in Social and Economic History of Early India*. Nxb. Munshiram Manoharlal.
- Roy C. Craven. 2005. *Mỹ thuật Ấn Độ*, người dịch: Nguyễn Tuấn, Huỳnh Ngọc Trảng. Nxb. Mỹ thuật.